

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 09 - 3 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật.

Bà Nguyễn Thị Chiêu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980; HKTT: Cụm 2, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 59 Đường H, cụm 1, thôn Đ, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; HKTT: Cụm 2, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 59 Đường H, cụm 1, thôn Đ, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) ngày 05/12/2003. Vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm đến vợ, con, bỏ bê gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 3 năm 2022, vợ chồng cãi nhau, anh

T bỏ đi làm ở đâu gia đình không nắm được. Thỉnh thoảng anh T có liên lạc hỏi thăm con. Vợ chồng đã ly thân, tình cảm không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có ba con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/10/2004; cháu Nguyễn Hoài M, sinh ngày 29/3/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/9/2017. Cháu Đ đã trưởng thành, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Hoài M và cháu Nguyễn Gia Huy chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu M và cháu H.

Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản, công sức và nợ chung.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, đã công bố trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và xin được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Hoài M và cháu Nguyễn Gia H. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng trình tự, đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/10/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; căn cứ điều 81, 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung là cháu Nguyễn Hoài M và cháu Nguyễn Gia H cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi. Chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Về tài sản, công sức và nợ chị H xác định không có nên không đề nghị giải quyết.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại thôn Đoài Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố H Nội. Đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt họp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T, đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vắng mặt không đến Tòa án. Vì vậy,

căn cứ vào khoản 1 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án T Hnh xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo trình tự, thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

[2]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, tỉnh H Tây (nay là Thành phố H Nội) vào ngày 05/12/2003 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống với nhau được một khoảng thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng mâu thuẫn liên tục, đến năm 2022 thì mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm đến vợ, con. Tình cảm vợ chồng sút mẻ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T không còn nên xin ly hôn.

Xét thấy, quá trình chung sống chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hai bên sống ly thân từ năm 2022, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có ba con chung là cháu Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 31/10/2004; cháu Nguyễn Hoài M, sinh ngày 29/3/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/9/2017. Khi ly hôn cháu Đ đã đã thành niên, khỏe mạnh, có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H yêu cầu được nuôi cháu M và cháu H. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu M và cháu H đều do chị H nuôi. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, cần giao hai con chung là cháu M và cháu H cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý.

Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có tài sản, công sức và nợ chung. Quá trình giải quyết Tòa án không lấy được ý kiến của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, công sức và nợ chung của chị H và anh T.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có ba con chung là cháu Nguyễn Minh Đ sinh ngày 31/10/2004; cháu Nguyễn Hoài M, sinh ngày 29/3/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/9/2017.

Cháu Nguyễn Minh Đ đã thành niên, khỏe mạnh, có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Hoài M và cháu Nguyễn Gia H cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi cho đến khi cháu Mỹ và cháu Huy đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T cho đến khi có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức với gia đình và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002963 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Đan Phượng, THnh phố H Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Đan Phượng;
 - CCTHADS huyện Đan Phượng;
 - UBND xã Đ, huyện Đan Phượng,
- THnh phố H Nội (GCNKH số 45/2003, ngày 05/12/2003).
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Duy Hưng